

Bản án số: 140/2024/HC-PT

Ngày: 07 - 3 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý Nhà nước về đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 722/2023/HCPT ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ; cưỡng chế thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐPT-HC ngày 08 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Hoàng T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ G, khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ E, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- Ông Lương Duy H, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 3841, quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11-8-2022 tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

2. *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã P;

Địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 – Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Võ Mạnh H1 – Phó trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã P (có mặt).

- Ông Phạm Hoàng V – Chuyên viên Phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã P (có mặt).

- Ông Phạm Doãn N – Trưởng Phòng nghiệp vụ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P (vắng mặt).

- Ông Lê Thành T2 – Chủ tịch UBND phường P (vắng mặt).

- Ông Tô Văn Q – Công chức Địa chính – Xây dựng- Đô thị - Môi trường phường P (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu D, ấp P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- *Người kháng cáo*: Người bị kiện Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi 145 m² thuộc thửa số 1085, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại: Tổ G, khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông Hoàng T nhận tặng cho từ cha mẹ. Ngày 18-9-2006, ông Hoàng T được UBND huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 074391, vào sổ số H 02564 ngày 18-9-2006 đối với thửa đất trên.

Quá trình sử dụng đất: Ông T đã sử dụng đất từ năm 2006 cho đến khi bàn giao đất thu hồi để thực hiện dự án. Năm 2012 do khó khăn về kinh tế nên ông T làm nghề tài xế và đi làm ăn xa nhưng vẫn thường trú tại khu phố N, phường P, thị xã P. Trên đất có căn nhà cấp 4a3 diện tích 108 m² xây dựng từ năm 2012.

Quá trình thu hồi, bồi thường:

- Ngày 16-3-2015, UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số: 523/QĐ-UBND về việc: “Phê duyệt giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất dự án: Di dời, tái định cư các hộ dân trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà máy T3, thị trấn P, huyện T”.

- Sau đó UBND huyện T đã ban hành Quyết định số: 3257/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 (viết tắt là Quyết định 3257) về việc: “Thu hồi đất trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người”.

- Ngày 30-6-2016, UBND huyện T đã Ban hành Quyết định số: 3284/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 3284) về việc: “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): H để xây dựng công trình: Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N nằm trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà máy T3 (giai đoạn 2 – Đợt 8) thị trấn P, huyện T”.

Dự án “Di dời, tái định cư các hộ dân trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà máy T3, thị trấn P, huyện T” đã thu hồi hết nhà đất của gia đình ông T (tỷ lệ thu hồi 100%).

Tuy nhiên, Quyết định 3284 chỉ hỗ trợ cho ông T số tiền 111.358.750 đồng (Một trăm mười một triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và không đồng ý bố trí tái định cư cho ông T. Do không đồng ý với Quyết định 3284 đã nhiều lần gửi đơn đến UBND các cấp để xem xét hỗ trợ giao đất ở cho ông T. Ngày 07-01-2022, UBND thị xã P đã ban hành Văn bản số 12/UBND-TT.PTQĐ với nội dung “UBND thị xã P đã tính đúng, đủ, chính sách bồi thường hỗ trợ cho ông Hoàng T theo quy định, không có cơ sở nào xem xét hỗ trợ giao đất ở theo như đề nghị của ông Hoàng T, vì hộ ông không phải di chuyển chỗ ở”.

Không đồng ý với văn bản trên, ông Hoàng T tiếp tục gửi đơn. UBND thị xã P sau đó đã ban hành Văn bản số 376/UBND-TT.PTQĐ ngày 16-5-2022 của UBND thị xã P về việc: “Trả lời đơn khiếu nại về giao đất ở của ông Hoàng T”. Nội dung như sau: “Ủy ban nhân dân thị xã nhận thấy đã tính đúng, tính đủ chính sách bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hoàng T theo quy định, không có cơ sở để xem xét giao đất cho hộ ông vì nhà giải toả không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định”.

Do Quyết định số 3284/QĐ-UBND và Văn bản số 376/UBND-TT.PTQĐ ngày 16-5-2022 của UBND thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Báo cáo số 2141/BC-UBND ngày 20-12-2021 xác định “ông Hoàng T không có nhu cầu nhà ở tại địa phương, không phải di chuyển chỗ ở”. Tuy nhiên, ông Hoàng T không có nhà đất nào trên địa bàn, hiện phải thuê nhà để ở nên việc UBND thị xã P không chấp nhận cấp lô đất ở cho ông T là không đúng với hoàn cảnh thực tế của ông T đã được UBND phường P kiểm tra xác nhận theo Biên bản báo cáo số 247/BC-UBND ngày 10-3-2020 của UBND phường P đã thể hiện “Hộ ông Hoàng T đăng ký hộ khẩu thường trú trong hộ khẩu của cha là Hoàng Văn V1. Hộ ông T thực tế sinh sống tại địa phương từ năm 1986 đến nay. Hộ ông Hoàng T có đơn xin giao 01 lô đất ở mới vì hiện nay sau khi giải toả không còn đất, nhà ở nào khác trên địa bàn phường, hộ có khó khăn về chỗ ở, hộ sống trực tiếp trên nhà đất bị thu hồi phải di chuyển chỗ ở”.

Ông T xác định thửa đất trên cũng là tài sản duy nhất của ông, hiện nay ông T không có điều kiện để mua đất và cũng không có nhà đất nào tại địa phương. Sau khi bị thu hồi đất ông gặp nhiều khó khăn về chỗ ở nhưng việc Ủy

ban nhân dân thị xã P không xem xét giao đất ở là chưa đúng quy định của pháp luật. Hiện nay nhà đất đã được bàn giao và giải tỏa xong.

Căn cứ Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B: Xem xét hỗ trợ giao đất ở.

“1. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở hoặc nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định giao đất ở hoặc nhà ở theo thẩm quyền.

2. Trường hợp khi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đã áp dụng các khoản bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Quy định này và Khoản 1 Điều này; hoặc đối với trường hợp thu hồi nhiều đất nông nghiệp mà hộ gia đình, cá nhân vẫn còn khó khăn về chỗ ở và có nhu cầu về đất ở thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở hoặc nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định giao đất ở hoặc nhà ở theo thẩm quyền”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thị xã P không xem xét giao đất ở cho ông T là không đúng quy định và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông T.

Nay ông Hoàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau đây:

- Hủy Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): H để xây dựng công trình: Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N nằm trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà máy T3 (giai đoạn 2 – Đợt 8) thị trấn P, huyện T”.

- Hủy văn bản số 376/UBND-TTPTQĐ ngày 16-5-2022 của Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P xem xét giao 01 lô đất ở cho ông Hoàng T.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã P trình bày:

Ngày 30-6-2016, UBND huyện T (nay là thị xã P) ban hành Quyết định số 3284/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hoàng T để thực hiện dự án Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N nằm trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà máy T3 (Giai đoạn 2 - đợt 8), thị trấn P. Hộ ông T có diện tích đất thu hồi là 145m² đất nông nghiệp, có nhà cấp 4a3 (xây dựng năm 2012) giải tỏa nhưng không được bồi thường, hỗ trợ do xây dựng trên đất nông nghiệp.

Trước đây, ông Hoàng T đã gửi đơn đề nghị giao đất ở, UBND thị xã đã xem xét và trả lời cho ông được biết kết quả giải quyết tại Văn bản số 214/UBND-TTPTQĐ ngày 31-3-2020.

Không đồng ý với nội dung văn bản trên, ông Hoàng T tiếp tục có đơn đề nghị giao đất ở, tuy nhiên không phát sinh thêm tình tiết mới.

Ngày 16-5-2022, UBND thị xã có Văn bản số 376/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn đề nghị giao đất ở của ông Hoàng T (lần 2). Trong đó, nội dung văn bản trả lời không có cơ sở để xem xét giao đất ở cho hộ ông vì nhà giải tỏa không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 6. Nguyên tắc sử dụng đất

1. Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất”.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 16 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của UBND tỉnh) quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất”.

“Điều 16. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

.....

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Tại khoản 1 Điều 144 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 144. Đất ở tại đô thị

1. Đất ở tại đô thị bao gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống, vườn, ao trong cùng một thửa đất thuộc khu dân cư đô thị, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.”

Tại khoản 2, 3, 4 Điều 12 Luật Xây dựng năm 2014 quy định:

“Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm

.....

2. Khởi công xây dựng công trình khi chưa đủ điều kiện khởi công theo quy định của Luật này.

3. Xây dựng công trình trong khu vực cấm xây dựng; xây dựng công trình lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật; xây dựng công trình ở khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống, trừ công trình xây dựng để khắc phục những hiện tượng này.

4. Xây dựng công trình không đúng quy hoạch xây dựng, trừ trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn; vi phạm chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; xây dựng công trình không đúng với giấy phép xây dựng được cấp.”

Như vậy, việc sử dụng đất phải đúng mục đích sử dụng của loại đất đó. Do đó, hành vi xây nhà ở trên đất nông nghiệp mà không phải là đất ở là trái quy định của pháp luật. Nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt của ông Hoàng T xây dựng năm 2012 trên đất nông nghiệp nên không được bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định.

Về thời hiệu khởi kiện

Ngày 30-6-2016, UBND huyện T (nay là thị xã P) ban hành Quyết định số 3284/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Hoàng T để thực hiện dự án.

Khi nhận được Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30-6-2016, ông T không khiếu nại hoặc khởi kiện, do đó thời hiệu khiếu nại hoặc khởi kiện Quyết định số 3284/QĐ-UBND đã hết.

Sau đó ông T có nộp đơn xin giao đất ở, đây là đơn dân nguyện, UBND thị xã có trách nhiệm trả lời cho công dân. Qua rà soát toàn bộ hồ sơ, UBND thị xã đã 02 lần trả lời cho ông T được biết với cùng một nội dung: Nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt của ông Hoàng T xây dựng năm 2012 trên đất nông nghiệp nên không được bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định.

Từ các cơ sở trên, UBND thị xã ban hành Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 và Văn bản số 376/UBND-TTPTQĐ ngày 16-5-2022 là đúng theo quy định pháp luật.

Do đó, UBND thị xã P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý nội dung khởi kiện của ông T “Yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 của UBND huyện T”, đồng thời không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S thống nhất đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HCST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Tuyên xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng T.

- Hủy mục 2 phần II của Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 của UBND huyện T về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): H để xây dựng công trình: Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N nằm trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà máy T3 (giai đoạn 2 – Đợt 8) thị trấn P, huyện T”.

- Hủy Văn bản số 376/UBND-TTPTQĐ ngày 16-5-2022 của UBND thị xã P.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P giao đất ở mới cho hộ ông Hoàng T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/6/2023, người bị kiện UBND thị xã P có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm. Ông Hoàng T bị thu hồi đất nông nghiệp, trên đất có căn nhà cấp 4A3 diện tích 108,12m², xây dựng năm 2012. Hành vi xây nhà trên đất nông nghiệp là trái quy định pháp luật nên không được bồi thường, hỗ trợ là đúng. Thời điểm ông Hoàng T xây nhà ở vào năm 2012 cùng thời điểm với chủ trương đầu tư xây dựng dự án, thông báo thu hồi đất dự án năm 2012. Do đó, UBND thị xã P không giao đất ở cho ông Hoàng T là đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên những lời trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về hình thức: đơn kháng cáo của UBND thị xã P làm trong hạn luật định và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của UBND thị xã P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013 quy định: “2. *Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất*”.

- Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định: “4. *Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất...*”.

Tại Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 12-02-2020 của UBND phường P có nội dung: Ông Hoàng T có hộ khẩu thường trú chung với hộ ông Hoàng Văn V1 tại khu phố N, thị xã P.

Ông Hoàng T sinh sống tại địa phương từ năm 1975 đến nay. Năm 2006, được cha mẹ cho phần đất diện tích 145m² thuộc thửa số 1085, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 18-9-2006, ông Hoàng T được UBND huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 074391, vào sổ số H 02564 ngày 18-9-2006 đối với thửa đất trên, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Ông T sử dụng đất từ năm 2006 cho đến khi bàn giao đất thu hồi để thực hiện dự án. Năm 2012, ông T xây dựng nhà cấp 4A3 trên đất. Quá trình sử dụng đất đến nay không xảy ra tranh chấp và không bị xử phạt hành chính về đất đai.

Ông T xác nhận năm 2012, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đi làm ăn xa nhưng vẫn thường trú tại địa phương. Khi nhà đất bị thu hồi thì buộc phải di chuyển chỗ ở, không còn nhà đất nào khác và có nhu cầu về nhà ở. Hiện nay phải thuê trọ tại phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước đi bán bánh dạo.

Căn cứ vào các quy định và các chứng cứ trên, có đủ cơ sở xác định ông Hoàng T có căn nhà cấp 4A3 trên phần diện tích đất bị thu hồi, thực tế cư trú tại căn nhà này và không còn nơi ở nào khác nên đủ điều kiện tái định cư. Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp

luật. Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc ông Hoàng T có nơi ở khác, không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thị xã P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Áp dụng khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng T.

- Hủy mục 2 phần II của Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 của UBND huyện T về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): H để xây dựng công trình: Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố N nằm trong khu vực 21,2 ha phía Bắc nhà máy T3 (giai đoạn 2 – Đợt 8) thị trấn P, huyện T”.

- Hủy Văn bản số 376/UBND-TTPTQĐ ngày 16-5-2022 của UBND thị xã P.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P giao đất ở mới cho hộ ông Hoàng T theo quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trả lại cho ông Hoàng T 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000393 ngày 19-9-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thị xã P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006113 ngày 29/6/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự ;
- Lưu HSVA, LTHS, (BA-PPC)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy